

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2019
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý và Dương.

2. Bà Phạm Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai: ông Vũ Văn Hội – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Châu Kim L, sinh năm 1982.

Thường trú: 80, phố 3, ấp 4, xã P, huyện Đ, tỉnh N.

Chỗ ở hiện nay: C11/3 Bình T 2, xã T, huyện A, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* ông SLễn Lìn P, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 80, phố 3, ấp 4, xã P, huyện Đ, tỉnh N.

(bà L có đơn xin vắng mặt, ông P vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà L trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh N và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/3/2008. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng bà không hạnh phúc vì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông P ngoại tình với người phụ nữ khác, không chăm lo cho vợ con. Đầu năm 2017 bà và ông P đã sống ly thân cho đến

nay. Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà và ông P có 03 con chung là: SLễn Thăng K, sinh ngày 09/7/2008; SLễn Thăng H, sinh ngày 23/10/2010; SLễn Thăng H1, sinh ngày 01/02/2014. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông SLễn Lìn P đã được tổng đạt các văn bản theo trình tự tố tụng nhưng không tham gia tố tụng và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông P đã trầm trọng, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L; Về con chung: giao 03 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết; Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền: ông SLễn Lìn P cư trú tại: 80, phố 3, ấp 4, xã P, huyện Đ, tỉnh N, nên đơn khởi kiện của bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

[2]Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Châu Kim L có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Bị đơn ông SLễn Lìn P đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về quan hệ hôn nhân: bà L và ông P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân P, huyện Đ, tỉnh N vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 hôn nhân giữa bà L và ông P là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nay bà L có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông P nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông P xảy ra từ năm 2016, nguyên nhân do ông P có quan hệ với người phụ nữ khác, không chăm lo cho vợ con dẫn đến hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Giữa bà L và ông P cả hai đã tìm cách hòa giải khắc phục mâu thuẫn

để đoàn tụ chung sống nhưng không có kết quả, hai vợ chồng ly thân với nhau từ đầu năm 2017 đến nay. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông P vẫn vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và tham gia tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ ông P không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình. Qua xác minh tại địa phương thì đại diện địa phương cho biết vợ chồng bà L và ông P có mâu thuẫn, nguyên nhân do ông P có quan hệ với người phụ nữ khác, hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Vì vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L, bà L được ly hôn với ông P.

[3]Về con chung: hai vợ chồng bà L và ông P có 03 con chung là: SLễn Thăng K, sinh ngày 09/7/2008; SLễn Thăng H, sinh ngày 23/10/2010; SLễn Thăng H1, sinh ngày 01/02/2014. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, các con chung của bà L cũng có nguyện vọng được sống cùng bà L, ông P không có ý kiến về phần này, vì vậy, chấp nhận yêu cầu của bà L, giao 03 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]Về tài sản chung: bà L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]Về nợ chung: bà L khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6]Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà L phải nộp 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7]Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 89 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Luật Hôn nhân và Gia đình 2000.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Châu Kim L.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Châu Kim L được ly hôn ông SLễn Lìn P.

- Về con chung: giao 03 con chung là Slễn Thăng K, sinh ngày 09/7/2008; SLễn Thăng H, sinh ngày 23/10/2010; Slễn Thăng H1, sinh ngày 01/02/2014 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông P được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

-Về án phí: bà Châu Kim L phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002042 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán.

Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã P;
- VKS ND huyện Định Quán;
- THA DS huyện Định Quán;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đại